

Nghề sơn ở nước ta có từ rất sớm. Theo các tài liệu khảo cổ học và nhận định của nhiều nhà sử học thì từ thời kỳ văn hoá Đông Sơn, nghề sơn đã ra đời và đạt được những thành tựu nhất định. Kể từ đó tới nay, dù có sự thăng trầm của lịch sử, nhưng nghề sơn vẫn tồn tại và phát triển. Trước đây, sơn và sơn mài được người ta cho là một chất liệu bình thường, nên ít quan tâm đến vì sơn chỉ thuần tuý phục vụ cho tôn giáo và không đạt được sự chuẩn mực theo quan niệm của phương Tây. Song, trải qua thời gian, vẻ đẹp của sơn, với những giá trị của nó ngày càng được mọi người nhận thấy và quan tâm, đặc biệt là sự thay đổi nhận thức của phương Tây trước vẻ đẹp quyền rũ của sơn và sơn mài.

Đường lối văn hoá của Đảng ngày càng đề cao văn hoá dân tộc nói chung, trong đó tạo hình, qua chất liệu sơn và sơn mài nói riêng, đã được nhiều nhà nghiên cứu văn hoá và mỹ thuật quan tâm.

Chúng ta đã từng biết nhiều đến chất liệu sơn và sơn mài trên những sản phẩm trong di tích... Màu sắc cổ truyền và ý nghĩa của đồ thờ thông qua chất liệu sơn và sơn mài thể hiện trên các hoành phi, câu đối, cửa võng, các hàng cột và đặc biệt trên hệ thống các pho tượng trong đình, chùa. Như vậy sơn và sơn mài đã đáp

Ý nghĩa của sơn và TRONG DI TÍCH CỐ

ứng được nhu cầu thực tại của xã hội.

Tới nay, trở lại tìm hiểu về sơn mài truyền thống được coi như là một hướng đi sâu vào bản sắc văn hoá dân tộc, để tìm ra những nét riêng mà tổ tiên ta đã làm,

để tìm thấy cái khác (cái riêng) so với thế giới.

Trước hết nói đến chất liệu sơn và sơn mài. Chất liệu sơn được lấy từ nhựa của cây sơn. Kỹ thuật trồng cây sơn lấy nhựa, và chế tác nhựa đưa vào phục vụ đời



Giai điệu nhảy truyền thống - tranh của Nguyễn Tư Nghiêm

* Ths. Giảng viên Trường
ĐH Mỹ Thuật công nghiệp

sơn mài TRUYỀN

NGUYỄN XUÂN NGHI*

sống được người dân vùng đất đồi trung du Bắc Bộ quan tâm. Đất Phú Thọ là vùng thích hợp với cây sơn. Cây sơn đã được thuần hoá từ rất sớm ở nước ta, giới khảo cổ học đã tìm thấy nhiều cứ liệu khi khai quật



ngôi mộ cổ ở Việt Khê - Thủy Nguyên - Hải Phòng. Một trong rất nhiều hiện vật tìm thấy trong khi khai quật là các sản phẩm liên quan tới sơn, như: Đục, nạo, giáo mác, tráp đựng. Qua phân tích khoa học các nhà nghiên cứu đã xác định: niên đại của các hiện vật trên có vào khoảng thế kỷ thứ II và III trước Công nguyên.

Khi khai quật ngôi mộ cổ ở xã Vinh Quang - huyện Hoài Đức - tỉnh Hà Tây người ta đã tìm thấy một đoạn gỗ dài 2 m được vẽ sơn thành từng khoanh màu đỏ sẫm. Phân tích C14 đã xác định được các cổ vật này có niên đại vào khoảng thế kỷ IV - V trước Công nguyên.

Một phát hiện quan trọng nhất đối với nghề sơn ở nước ta là khi khai quật ngôi mộ cổ ở Đông An, Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng. Người ta đã tìm thấy những dụng cụ để làm nghề sơn như: bàn vận sơn, bút sơn... Ngôi mộ cổ này cũng được xác định có niên đại trước Công nguyên.

Bước vào thời kỳ quân chủ chuyên chế, đặc biệt trong khoảng thời gian từ thế kỷ XI trở đi, nghề sơn ở nước ta ngày càng phát triển. Theo sách Đại Việt sử ký toàn thư cho biết: "Năm Canh Thìn (1040). Mùa đông tháng 10 mở hội La Hán ở Long Trì đại xá thiên hạ. Vua sai tạc sơn hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ sơn nghìn bức tranh Phật, làm bảo phẩm hơn một vạn lá. Đến nay việc xong, làm lễ khánh thành".

Trong sách: Việt sử thông

giám cương mục phần chính biên cũng có nhiều đoạn viết về nghề sơn hoặc liên quan đến nghề sơn như:

"Kỷ sửu (1469) tháng 2, ra lệnh: Những thứ áo, giáp, mũ, trụ để cho quân sỹ tăng vẻ hùng mạnh như nón Thủy ma, nón sơn (là thứ nón của quân cận vệ để túc trực, bảo vệ kinh thành)".

"Giáp dần (1254) tháng 5: Định ra qui chế dùng kiệu, dùng miện và quân hầu cho tôn thất và các quan văn võ. Phép nhà Trần từ Tôn Thất đến quan ngũ phẩm đều được dùng kiệu hình đầu chim Phượng sơn sơn. Quan tướng quốc thì dùng kiệu hình chim Anh Vũ sơn then"

"Mậu thân (1428) tháng 11 nhà vua ra lệnh cho kiểm tra các thứ thổ sản như: đồng, sắt, gai, tơ, sơn... Nay phê chuẩn cho các quan lại các trấn kê khai".

Trong dân gian, nhiều làng nghề, phường nghề qua quá trình hình thành, phát triển đã được định danh như: sơn then Đình Bảng (Bắc Ninh), Hàng thúng khảo chợ Dầu, đồ nét Cát Đằng (Nam Định). Hàng tráp quả chợ Bằng (Hà Tây). phường sơn Nam Ngư (Hà Nội), làng sơn Bình Vọng (Hà Tây).

Qua một số tài liệu và qua truyền miệng, vào thời vua Lê Thánh Tông (1443) cụ Trần Lư (được gọi một cách kính trọng là Trần Tướng công) người làng Bình Vọng được tôn vinh là ông tổ nghề sơn.

Chất liệu sơn và sơn mài đã được cha ông ta sử dụng

nhiều trong cách tô tượng phật và nội thất kiến trúc trong đình chùa. Chất liệu sơn đã tạo được sự uy nghiêm và độ bền cho tượng, cho sản phẩm tôn giáo tín ngưỡng. Màu sắc của nó đã có một ý nghĩa đặc biệt, có thể tạm nêu ra như sau:

Màu đỏ huyết dụ (màu phổ biến). Màu này ở nước ta được pha chế và sử dụng sớm hơn màu đỏ của Trung Hoa chút ít. Qua những cuộc khảo sát điền dã ở những làng nghề chuyên làm tượng và qua tài liệu của các nhà nghiên cứu dân tộc học mỹ thuật thì những pho tượng sớm nhất đã được sơn theo màu sắc này, đó là những tượng phật giáo. Tuy nhiên tông độ của tượng này cũng tùy theo tính chất thuộc lĩnh vực tâm linh mà đậm nhạt có phần khác nhau.

Một pho tượng cổ nhất ở nước ta, hiện còn lại tới nay, đã được sử dụng chất liệu sơn, đó là tượng Pháp Vũ thuộc hệ thống tượng ở chùa Thái Lạc (Văn Lâm, Hưng Yên). Tượng được làm vào thế kỷ 16. Hình thức tạo hình của tượng Pháp Vũ được thể hiện với bộ tóc xoắn ốc màu đen, toàn thân được thể hiện màu đen pha đỏ, đậm hơn màu huyết dụ. Theo các nhà nghiên cứu, tượng được làm theo qui trình: cốt gỗ, ngoài lớp gỗ được bó, phủ sơn then, sau là sơn mài. Đến nay dấu vết của vóc chưa xác định được, nhưng màu bên ngoài là sự trộn của màu đen và đỏ (màu của sơn đen và màu của chất bột được pha chế

từ thân sa). Sở dĩ cha ông ta đã sử dụng 2 màu sơn này vì: Theo các nhà nghiên cứu, Tứ Pháp là các thần linh nông nghiệp (phép làm mây, làm mưa, làm sấm, làm gió) được Phật giáo hoá để hoá thân thành các đức Phật, nên tượng có dạng bụng ốc. Song, màu của tượng lại được ngờ là màu của thần nông nghiệp Siva thuộc đạo Bàlamôn đã tác động vào nước ta từ trên 2000 năm về trước. Phân tích các màu sơn trong tượng, người ta nhận thấy rằng đó là đen và đỏ, các nhà nghiên cứu cho là: Đời sống của dân ta sống trong vùng sử dụng nước trên mặt đất (nước mưa) vì thế có quan niệm nước màu trắng, nhưng trong một giới hạn nào đó, ở lĩnh vực văn hoá, vẫn có sự ảnh hưởng của Trung Hoa và Ấn Độ. Ở các nước đó, nhiều nơi đã sử dụng nước giếng sâu, nên nước thường được gắn với màu đen. Vì thế từ mối giao lưu này, chúng ta có thể nghĩ tới màu đen cũng là màu của nước, với ước vọng cầu được mùa no đủ. Và, dần dần nước chuyển hoá thành một nguồn gốc của hạnh phúc.

Còn màu đỏ của sơn, theo như Giáo sư Từ Chi cũng như nhận thức chung của nhiều nhà khoa học thế giới, đã chỉ cho chúng ta hay rằng; Vào thời nguyên thủy khi con người dùng mũi nhọn đâm vào con vật, từ vết đâm đó thấy một chất màu đỏ chảy ra, chất này chảy hết thì con vật chết. Vì thế dần dần người ta coi chất đỏ là sinh khí để duy trì sự sống. Rồi màu đỏ

được thiêng hoá để tượng trưng cho sinh lực của vũ trụ (bầu trời) hay dần dần nó cũng được tượng trưng cho mọi nguồn hạnh phúc. Như vậy trong tạo hình cổ truyền của người Việt và một số cư dân khác, màu đỏ cũng được chuyển hoá thành màu của ước vọng tốt đẹp, nhất là đối với việc cầu mùa trong nghi thức của mọi lễ hội.v.v... Thậm chí nó cũng biểu hiện cho nhiều mặt của hạnh phúc. Như thế, sự hợp nhất của Đen và Đỏ đã cho chúng ta một màu cánh dán đậm tới màu huyết dụ, rồi đỏ sẫm ... suy cho cùng, sự tổng hoà hai màu này là một biểu hiện của nhận thức rút ra từ thực tế cuộc sống ở thời nguyên thủy.

Trở lại với tượng Tứ Pháp, phổ biến được cõi trần. Các nhà nghiên cứu ngờ rằng hình thức này như biểu tượng của sự bộc trực của bầu trời mây đọng nước, nó chứa một năng lực vô bờ bến để cho mùa màng sinh sôi, cho muôn loài phát triển.

Cũng từ thời kỳ này về sau, chúng ta còn gặp nhiều pho tượng đã được sơn phối hợp cho các chi tiết với các màu khác nhau. Thông thường người ta sơn màu đỏ đậm hoặc đen trên các diềm áo, hay màu sơn đỏ ở mặt những tượng Đức Ông, Ngọc Hoàng, Diêm Vương, Hộ Pháp v.v... chắc chắn đó là màu sinh lực vô biên và linh thiêng. Song về ý nghĩa, người ta còn hiểu đó là màu biểu hiện về quyền uy/năng vô lượng, đồng thời cũng nói lên ý nghĩa kiên quyết bảo hộ phật pháp hay

bảo vệ những chân lý hồn nhiên của vũ trụ và để trấn áp những điều tàn ác.

Một màu sơn khác thường được sử dụng trên mặt tượng phật là màu vàng đồng (thếp vàng). Theo các nhà nghiên cứu, thời đức Phật xuất thế ở đất Ấn Độ, có tục lệ những người lính án tử hình thường bị khoác áo màu vàng, dong đi kể tội, rồi mới đem về hành quyết. Sau đó, người nhà Phật lấy màu vàng để tượng trưng cho sự diệt dục. Các vị Phật và Bồ tát nào được thếp vàng bộ mặt là chứng tỏ các vị đó đã thoát khỏi trần ai, có nghĩa trong thâm tâm của vị đó, mọi dục vọng đã chết. Cũng như thế các nhà sư mặc áo màu vàng là để chỉ ra rằng họ đã vượt qua Tham - Sân - Si - Ái - Ố - Hỷ - Nộ. Còn chiếc áo nâu là biểu hiện không còn vương vấn với bụi trần, xa lánh dục vọng, đồng thời để tâm thanh, lòng tĩnh, tránh kiêu căng ngả mạn.

Như vậy theo như truyền thống thì không phải tượng nào cũng được thếp mặt vàng đồng (màu giải thoát cao quý). Mặt khác, với các vị bồ tát còn lăn lộn với cuộc đời để cứu vớt chúng sinh thì không bao giờ được sơn thếp mặt bằng vàng đồng mà chỉ được sơn màu hồng phấn.v.v...

Ngày nay, nhiều người muốn làm sang cho các vị bồ tát cũng đều thếp vàng mặt, đó là một sai lầm, vì chắc chắn họ chưa hiểu ý nghĩa của màu sắc.

Ở một vài trường hợp cụ thể, người xưa có thể tô điểm một vài màu như màu

xanh lá cây, màu xanh da trời và một vài màu tối như để nhấn mạnh thêm về sự hung dữ cho thể giới bên dưới hay cho thể lực giáo hoá âm ty, như hình tượng của tượng Diệm Nhiên, một thị giả của Thánh tăng (nhiều khi tượng có hình dáng như con khỉ).

Ngoài những màu chính được sử dụng từ nhựa của cây sơn sẽ còn nhiều màu sắc khác nữa, song phần nhiều được bổ sung bằng bột màu mà không dùng sơn, vì vậy, chúng tôi chưa đề cập đến.

Trên lĩnh vực kiến trúc, tổ tiên chúng ta thường hay để gỗ mộc. Tuy nhiên vào một hai thế kỷ gần đây, tại các đền, chùa, đình, người xưa đã sử dụng sơn để bảo quản gỗ, chắc chắn màu sơn đã được sử dụng khá nhiều, như ở đền vua Đinh, vua Lê (Ninh Bình) hay Văn Miếu (Hà Nội) là ví dụ cụ thể. Người xưa cũng đã từng sơn vẽ rồng leo trên cột, điểm xuyết mây cụm theo phong cách rồng cuốn thuy với màu vàng rực rỡ. Đương nhiên đó là một hình tượng gắn với sự truyền tải sinh lực từ bầu trời xuống trần gian. (Rồng ví như biểu tượng cho bầu trời, cho mây quần quanh cột đỡ như đem sinh lực từ trên trời xuống). Với ý nghĩa tâm linh cao diệu như kể trên, nên việc tu bổ di tích cần phải hết sức cẩn trọng. Một ví dụ cụ thể: Như việc tu bổ di tích Hoa Lư (Ninh Bình) do Công ty Mỹ thuật đang thực hiện, đã có một sự thận trọng cần thiết. Những người thực hiện công việc này đã đưa các nhà

khoa học tham gia vào các công đoạn của màu sắc, đến mức thành quả có thể coi như chuẩn mực. Theo cách cổ truyền, đầu tiên là làm sạch cột, mài nhẵn, qua công đoạn sơn then, lót vóc đến hai lần ... để tạo nên sự mịn màng cần thiết, rồi mới sơn màu đỏ đậm theo qui định, sau đó là công đoạn mài nhằm tạo cho những chiếc cột, những bộ phận của nội thất kiến trúc, một sự sang trọng linh thiêng, phản ánh được tâm hồn thánh thiện của người xưa gửi tới thần linh. Đó là một thành công.

Để đi sâu về chất liệu sơn và sơn mài truyền thống cũng như tác dụng và hiệu quả của nó đối với đời sống tâm linh cũng như đời sống thường ngày của con người thì đó là một đề tài lớn. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập một phần về ý nghĩa của sơn và sơn mài trong di tích cổ truyền. Cụ thể là màu sắc của sơn và sơn mài trong hệ thống tượng Phật cũng như những sản phẩm nội thất trong những ngôi đình, đền, chùa... của nước ta.

Tất cả đang hiện hữu để chúng ta bây giờ phải trầm trồ, thán phục những gì mà tổ tiên đã dành lại cho chúng ta ngày hôm nay. Qua đây, chúng tôi cũng mong được đóng góp đôi lời cho việc tu bổ tôn tạo di tích nghệ thuật truyền thống, hiện đang có nhiều sai phạm mà thực ra nếu hiểu biết thì không thể có.

N.X.N